

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí
của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1465/QĐ-KĐCLGDTL ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 23 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 36 chương trình đào tạo của các Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Trường Đại học Tây Bắc, Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Cao đẳng Huế, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 23 ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 45 tiêu chí chiếm 90%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐHKH, ĐHTN;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí
của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên**

(Kèm theo Nghị quyết số 161/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn						
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)				
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100				
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4							
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4							
Tiêu chí 1.3	4	Tiêu chí 7.3	4										
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4				Tiêu chí 7.5	4		
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chuẩn 8		4,00	5	100				
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chí 8.1	4							
Tiêu chí 2.3	4	Tiêu chí 8.2	4										
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.3	4							
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.4	4							
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.5	4							
Tiêu chí 3.3	4	Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100		
Tiêu chí 4.1	4	Tiêu chí 9.1	4										
Tiêu chí 4.2	4	Tiêu chí 9.2	4										
Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chí 9.3	4										
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80	Tiêu chí 9.4	5	Tiêu chí 9.5	4				Tiêu chuẩn 10	
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 10.1	4							
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 10.2	4							
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.3	4							
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.4	5							
Tiêu chí 5.5	4	4,14	7	100	Tiêu chí 10.5	4	Tiêu chí 10.6	4	Tiêu chuẩn 11		3,80	4	80,00
Tiêu chuẩn 6					Tiêu chí 11.1	4							
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 11.2	3							
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 11.3	4							
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chí 11.4	4							
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.5	4							
Tiêu chí 6.5	4												
Tiêu chí 6.6	4												
Tiêu chí 6.7	5												

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,96	45	90



Phụ lục II

KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số 161/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỘI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên, giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định trong Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được cập nhật định kỳ, bám sát các quy định khung trình độ quốc gia cho trình độ đại học. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT sau khi rà soát điều chỉnh được công bố công khai bằng các hình thức và phương tiện khác nhau để các bên liên quan như nhà sử dụng lao động, người học, giảng viên và các bên liên quan khác có thể dễ dàng tiếp cận.

2. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin theo quy định, cập nhật những vấn đề mới của lĩnh vực ngành đào tạo thông qua việc tham khảo ý kiến của các bên liên quan và tham khảo CTĐT cùng ngành của một số trường đại học trong nước. Đề cương học phần có khá đầy đủ thông tin cần thiết, được định kỳ rà soát chỉnh sửa, công bố công khai thông qua website, hệ thống thư viện, văn phòng Khoa và phổ biến tới sinh viên tại chương trình sinh hoạt công dân đầu khóa, hoặc trực tiếp trên lớp.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT, có cấu trúc hợp lý, thể hiện tính logic, tính tích hợp giữa các học phần. Đề cương chi tiết học phần được xây dựng theo mẫu thống nhất, trong đó có mô tả chuẩn đầu ra của học phần. Các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, nội dung của các học phần thể hiện được sự đóng góp vào thực hiện chuẩn đầu ra của CTĐT. Nội dung chương trình dạy học được tham khảo một số CTĐT của các trường đại học, được cập nhật và có tính tích hợp.

4. Triết lý giáo dục của Trường được ban hành và đăng tải công khai trên website và được phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Các hoạt động dạy và học được thiết kế tương đối phong phú và đa dạng, hướng tới mục tiêu giáo dục của Trường và ngành đào tạo, đạt được các chuẩn đầu ra đã tuyên bố, nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên. Hoạt động giảng dạy được rà soát, điều chỉnh theo hướng tăng tính thực tế và tính tính cực của sinh viên trong học tập. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

5. Hệ thống các văn bản kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đầy đủ, rõ ràng. Thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH được công bố công khai. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Quy trình khiếu nại và phúc khảo về kết quả học tập được xác định, người học dễ dàng tiếp cận. Số lượng đơn phúc khảo trong giai đoạn đánh giá thấp, việc khiếu nại về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng.

6. Đội ngũ giảng viên được quy hoạch theo chiến lược phát triển của Trường theo từng giai đoạn, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ của CTĐT đảm bảo yêu cầu theo quy định. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí việc làm, làm cơ sở để đánh giá, xếp loại. Nhà trường/Khoa thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu theo quy định. Công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên được Nhà trường/Khoa thực hiện theo quy định. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát để cải tiến chất lượng.

7. Đội ngũ nhân viên được quy hoạch dựa trên dự báo nhu cầu hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên ở thư viện, phòng thí nghiệm, công nghệ thông tin và các đơn vị hỗ trợ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng và ổn định. Nhà trường có quy định, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng và công khai. Công tác đánh giá năng lực được thực hiện thường xuyên với tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ cao. Việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai hiệu quả, có cơ chế khen thưởng, công nhận và đăng ký kế hoạch công tác hằng năm cho viên chức, người lao động.

8. Chính sách, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được thể hiện rõ ràng, minh bạch và có sự cải tiến qua các năm. Hệ thống giám sát học tập và rèn luyện được thiết lập có cơ cấu tổ chức, quy trình vận hành rõ ràng và được quy định cụ thể trong các văn bản của Trường. Việc ứng dụng công nghệ thông tin qua các phần mềm quản lý đã bước đầu hỗ trợ hiệu quả cho công tác theo dõi và xử lý kết quả của sinh viên. Hoạt động hỗ trợ người học đa dạng, phong phú, từ tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, đến hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp, kết nối với doanh nghiệp để tạo cơ hội thực tập chuyên môn cho sinh viên. Nhà trường tạo dựng được môi trường học tập đảm bảo an toàn, vệ sinh và thân thiện, được định hướng bởi các quy định rõ ràng về văn hóa ứng xử. Các hoạt động đảm bảo an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy, y tế học đường được triển khai bài bản, tạo sự yên tâm cho người học.

9. Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, và các phòng chức năng cùng các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện hiện đại, kết hợp hài hòa giữa không gian mở, với nhiều tiện ích dành cho cá nhân, nhóm và cộng đồng; nguồn lực thông tin đa dạng, cập nhật và truy cập mở tới một số thư viện trong nước, quốc tế; được quản lý, vận hành bởi phần mềm ElibLRC, công nghệ RFID, hạ tầng số. Sinh viên được cung cấp đầy

đủ phòng thực hành tin học và thực hành nghiệp vụ chuyên môn với trang thiết bị chuyên dụng để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật bảo đảm cho hệ thống hoạt động ổn định và an toàn. Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được ban hành và áp dụng như vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, giảng viên, sinh viên, tập huấn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ trật tự an ninh, an toàn xã hội.

10. Hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT của Nhà trường được rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá. Quy định việc rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học nhằm đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra. Giảng viên của CTĐT tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định từ Ban giám hiệu đến các cơ quan đơn vị và cụ thể từng đối tượng của Nhà trường, được đánh giá và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các bên liên quan.

11. Hoạt động quản lý tiến độ học tập, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học của người học toàn Trường được thực hiện dựa trên phần mềm quản lý chung. Trên cơ sở dữ liệu thống kê, phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học đã đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên các CTĐT sau 1 năm tốt nghiệp, dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp được cập nhật. Xác định đầy đủ nội dung và hình thức nghiên cứu khoa học của sinh viên. Thực hiện các hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên, người học về các lĩnh vực đào tạo, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát mục tiêu, xác định rõ định hướng đào tạo của CTĐT; rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, đảm bảo chuẩn đầu ra ngắn gọn, rõ ràng, đo lường và đánh giá được; rà soát, tăng cường hơn nữa sự tương thích giữa các chuẩn đầu ra mục tiêu CTĐT; thường xuyên khảo sát thị trường lao động, tích hợp các yêu cầu thực tế vào việc xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình; cải tiến cả về phương pháp, quy mô lần đối tượng khảo sát trong thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan khi rà soát, cập nhật mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT.

2. Rà soát ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra của học phần, bổ sung mức độ đóng góp với chuẩn đầu ra; rà soát hệ thống đề cương chi tiết học phần, bổ sung các ma trận liên kết nội dung chương mục - chuẩn đầu ra của học phần, ma trận

phương pháp dạy học - chuẩn đầu ra của học phần, bổ sung đề cương học phần khóa luận tốt nghiệp; rà soát chuẩn đầu ra của các học phần, đảm bảo tính thống nhất và chính xác giữa nội dung bản mô tả CTĐT và từng đề cương học phần học phần, cập nhật tài liệu học tập cho người học; định kỳ đánh giá hiệu quả các biện pháp/hình thức truyền thông đã sử dụng để phổ biến bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần, bổ sung các hình thức tiếp cận dễ dàng hơn.

3. Rà soát, cải tiến chương trình dạy học, tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học mới, chú trọng tính chủ động và tích cực của sinh viên thế hệ mới, đặc biệt các phương pháp giảng dạy và học tập trải nghiệm, tăng tỷ lệ thực hành/thực tế, chú trọng yếu tố chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập; rà soát, hoàn thiện, bổ sung toàn bộ các ma trận, bảo đảm khoa học, chính xác; rà soát, đánh giá mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát các học phần tự chọn, bảo đảm tính thống nhất, khoa học của toàn bộ chương trình dạy học; tăng thời lượng thực hành, thực tế để người học có cơ hội tiếp cận và học hỏi các kỹ năng cần thiết cho thực hành nghề nghiệp; tăng số lượng tham khảo, đối sánh các CTĐT quốc tế, tích hợp xu thế ứng dụng công nghệ cho loại hình báo chí đa phương tiện.

4. Hướng dẫn việc lồng ghép Triết lý giáo dục của Trường vào nội dung CTĐT; đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp dạy học đã áp dụng để đạt được chuẩn đầu ra; đa dạng hóa các hình thức dạy và học, phát triển hình thức học tập trải nghiệm, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào giảng dạy và học tập; bổ sung hoạt động giám sát, hỗ trợ của giảng viên giúp sinh viên thực hiện việc tự học để có cơ sở đánh giá kết quả tự học của sinh viên; tăng cường tổ chức các khóa học rèn luyện kỹ năng cho sinh viên, khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học, xây dựng và phát triển các câu lạc bộ học thuật, tăng cường hoạt động ngoại khóa nhằm phát triển các kỹ năng thiết yếu cho sinh viên.

5. Xây dựng, ban hành quy định/hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được chuẩn đầu ra; làm rõ phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với các chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT; xác định độ tin cậy của đề thi, của phương pháp kiểm tra đánh giá; bổ sung thang điểm đánh giá theo rubrics trong đáp án chấm thi, đảm bảo tính chính xác; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về việc ra đề, tổ chức thi và chấm thi đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

6. Rà soát đánh giá chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên, có giải pháp nâng tỷ lệ giảng viên là tiến sĩ trở lên của CTĐT; xác định đầy đủ, lượng hóa các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn bổ nhiệm, điều chuyển giảng viên dựa trên bộ năng lực của giảng viên, nghiên cứu viên đã xác định trong đề án vị trí việc làm; ban hành quy định đánh giá năng lực giảng viên với các tiêu chí được lượng hóa và tiến hành đánh giá năng lực giảng viên để phục vụ cho các mục đích khác nhau; có giải pháp nâng cao kết quả hoạt động khoa học của giảng viên tham gia giảng dạy các học phần chuyên nghiệp của CTĐT.

7. Rà soát kế hoạch, chiến lược phát triển Trường; chú trọng phân tích đầy đủ, toàn diện, chi tiết nhu cầu về đội ngũ nhân viên, cán bộ hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng làm cơ sở cho quy hoạch, tuyển dụng, nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên, cán bộ hỗ trợ; hoàn thiện chính sách tuyển dụng và bổ nhiệm nhằm thu hút, giữ chân được người có năng lực, có trình độ về làm việc tại các vị trí việc làm đặc thù ở một số đơn vị hỗ trợ; rà soát, cải tiến các tiêu chí đánh giá đội ngũ cán bộ, nhân viên, đảm bảo đánh giá đúng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên; thực hiện khảo sát nhu cầu, xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm; quy định rõ khối lượng công việc của nhân viên, cải tiến bảng phân công hoặc kế hoạch công tác cụ thể hàng năm; rà soát cải tiến việc lấy ý kiến góp ý của viên chức, người lao động đối với các chính sách, quy định, quy chế của Trường.

8. Thường xuyên khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về chính sách, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh; khảo sát, đánh giá nhu cầu của thị trường lao động, làm cơ sở để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp; đầu tư nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, bổ sung các chức năng tự động hóa việc thống kê, báo cáo và cảnh báo sớm kết quả và tiến độ học tập của người học; rà soát bộ công cụ khảo sát người học, bổ sung các tiêu chí mức độ hài lòng về chất lượng, hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ; xây dựng lộ trình cụ thể để thành lập bộ phận chuyên trách về tư vấn tâm lý học đường; triển khai các giải pháp hỗ trợ như tổ chức các hội thảo chuyên đề về sức khỏe tinh thần, kỹ năng quản lý cảm xúc, thiết lập các kênh tư vấn ẩn danh (email, hòm thư...) để sinh viên có địa chỉ tin cậy khi cần chia sẻ.

9. Xây dựng tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích và trang thiết bị chuyên dụng đáp ứng quy định của Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT; tối ưu hóa module quản lý thư viện trong không gian số và phát triển nguồn nhân lực vận hành, khai thác thư viện; xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị thực hành đáp ứng Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT và đánh giá dựa theo bộ tiêu chuẩn này; nâng cấp thiết bị tường lửa và các phần mềm diệt virus, hoàn thiện và tối ưu hóa các module quản lý, quản trị Trường; ban hành bộ tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn, điều chỉnh môi trường đáp ứng nhu cầu người khuyết tật.

10. Tăng số lượng lấy ý kiến đội ngũ các chuyên gia, các nhà khoa học cùng ngành từ các trường đại học, các cơ quan quản lý nhà nước, hội nghề nghiệp chuyên ngành khi xây dựng, rà soát phát triển CTĐT; tổ chức xin ý kiến các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh lại quy định về lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan sao cho rõ ràng, cụ thể, phù hợp cho từng cơ quan, đơn vị, tổ chức hội nghị/hội thảo tổng kết, đánh giá công tác khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động khảo sát; xem xét tổng hợp các văn bản quy định về rà soát, đánh giá hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ... thành một quy định cụ thể để các bộ môn/khoa dễ dàng thực hiện đầy đủ và thống nhất; đi sâu phân tích về sự phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần để cải tiến hoạt động dạy, học, kiểm tra đánh giá ngày càng phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần, góp phần đạt

chuẩn đầu ra của CTĐT cho người học; đầu tư trang bị phòng thực hành tiếng cho người học; lưu ý đến các nghiên cứu cải tiến, phát triển CTĐT trong nghiên cứu khoa học; xem xét phân công trách nhiệm chủ trì toàn bộ hoạt động khảo sát sự phản hồi của các bên liên quan cho đơn vị chuyên trách để hoạt động thống nhất và quản lý dữ liệu tập trung và xây dựng kế hoạch cải tiến mang tính bao quát, toàn diện; xây dựng kế hoạch tổng thể cải tiến chất lượng và đánh giá hiệu quả cải tiến sau hoạt động khảo sát hàng năm.

11. Quan tâm thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước và khu vực có CTĐT tiên tiến tương ứng về tỷ lệ tốt nghiệp, thời học theo hướng tăng quy mô các cơ sở giáo dục được đối sánh, xây dựng báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế tỷ lệ thời học, tốt nghiệp của người học tham gia CTĐT và đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp đúng thời gian quy định để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp giúp người học thực hiện hiệu quả khả năng tốt nghiệp đúng thời hạn học tập và giảm thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT; phân tích, đánh giá kết quả đối sánh tỷ lệ người học tốt nghiệp CTĐT có việc làm trong nội bộ cơ sở giáo dục và các cơ sở giáo dục trong nước, khu vực để đề xuất những giải pháp phù hợp cho hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT và hỗ trợ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp; có giải pháp cụ thể, phù hợp để lựa chọn một số cơ sở giáo dục trong và ngoài nước có cùng CTĐT cho hoạt động đối sánh về loại hình, số lượng nghiên cứu khoa học sinh viên, kết quả đối sánh cần được phân tích, đánh giá để sử dụng cho hoạt động cải tiến số lượng, chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên; thực hiện khảo sát các bên liên quan ngoài trường (cựu người học, nhà sử dụng lao động) thường xuyên/định kỳ về mức độ hài lòng đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ, tổ chức hoạt động đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan trong nội bộ Nhà trường và giữa CTĐT của cơ sở giáo dục với CTĐT của các cơ sở giáo dục khác.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.